

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 12 – 2025

Về việc ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 240/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Huyền T, sinh ngày 01/01/1991 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095191002736, cấp ngày 09/8/2021.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/01/1982 (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 095082009382.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 10 năm 2025 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền T trình bày: Năm 2009, chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau), theo giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 10/6/2009. Thời gian đầu, vợ

chồng chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên khoảng tháng 7 năm 2022, chị và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đến tết năm 2025, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Vào khoảng tháng 4 năm 2025, khi chị về nhà lấy đồ thì chị với anh H và mẹ chồng xảy ra xô xát. Nay xét thấy chị và anh H không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung, chị và anh H có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 14/9/2011 và Nguyễn Thái P, sinh ngày 22/6/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Thái P, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Phạm Thị Huyền T ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 14/9/2011 và Nguyễn Thái P, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Phạm Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Khi khởi kiện, anh H trú tại ấp A, xã P, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị T và anh H.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H xây dựng hôn nhân năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã P, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 72, cấp ngày 10/6/2009 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị T xác định thời gian đầu, chị T và anh H chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 7 năm 2022, chị T và anh H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tết năm 2025, chị và anh H đã ly thân. Trong thời gian ly thân, chị và anh H có liên lạc nhưng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, như vậy anh H đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị Huyền T và anh Nguyễn Văn H có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 14/9/2011 và Nguyễn Thái P, sinh ngày 22/6/2015, hiện nay cháu Q và cháu P đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Q và P, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu Q và P; hai cháu được chăm sóc tốt và được tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 31/10/2025, cháu Nguyễn Thị Phương Q và Nguyễn Thái P đều có nguyện vọng sống với chị T. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai cháu Nguyễn Thái P và Nguyễn Thị Phương Q, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho chị Phạm Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 14/9/2011 và Nguyễn Thái P, sinh ngày 22/6/2015. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1

Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị Huyền T đối với anh Nguyễn Văn H. Cho chị Phạm Thị Huyền T ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thị Phương Q, sinh ngày 14/9/2011 và Nguyễn Thái P, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Phạm Thị Huyền T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Phạm Thị Huyền T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị Huyền T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003282 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí. Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Phong Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

